

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/DS-ST.

Ngày: 24-5-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thúy Kiều

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 15, 19 và 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST – DS ngày 31/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Hoàng C** (vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị N** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Đ trình bày:

Qua giới thiệu và cam kết thì bà Đ có cho ông Nguyễn Văn M vay tiền, đến ngày 03/9/2013 âm lịch ông M, ông Nguyễn Hoàng C có cam kết còn nợ số tiền 69.350.000 đồng và ông M trả thành 02 đợt gồm đợt 01 trả vào ngày 15/9/2013 âm lịch trả 34.675.000 đồng, đợt 02 trả vào ngày 15/11/2013 âm lịch trả 34.675.000 đồng. Tuy nhiên ông M và ông C không trả như cam kết nhưng ông C có trả được 48.000.000 đồng thì ngưng trả nên vào năm 2019 thì bà Đ gửi đơn đến ấp M, xã M, thị xã N để giải quyết thì ông C thừa nhận và đồng ý trả số tiền

21.350.000 đồng nhưng xin trả phân nửa số tiền nợ trong năm 2020 và số tiền còn lại trong năm 2021 nhưng bà Đ không đồng ý.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi và chỉ yêu cầu ông Nguyễn Hoàng C trả cho bà Đ số tiền là 21.350.000 đồng. Không yêu cầu bà Nguyễn Thị N liên đới trả số tiền nêu trên.

2/ Bị đơn ông Nguyễn Hoàng C và bà Nguyễn Thị N không đồng ý nhận các văn bản do Tòa án tổng đạt, đồng thời ông C có ý kiến là số nợ đã giải quyết xong còn bà N cho rằng không liên quan đến bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Nguyễn Hoàng C và bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông C, bà N vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Đ rút lại yêu cầu tính lãi với số tiền là 30.218.505 đồng và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông Nguyễn Hoàng C trả số nợ nêu trên.

Xét thấy việc rút lại và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Nguyên đơn bà Phạm Thị Đ yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng C trả số tiền 21.350.000 đồng. Tại biên bản hòa giải không thành cơ sở ngày 30/07/2019 của tổ hòa giải ấp M, xã M, thị xã N thì ông Nguyễn Hoàng C đồng ý trả số nợ cho bà Phạm Thị Đ nhưng yêu cầu trả thành 02 lần trong năm 2020 và 2021 nhưng bà Đ không đồng ý. Cho nên có căn cứ xác định ông Nguyễn Hoàng C đồng ý trả số nợ trên cho bà Phạm Thị Đ nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Hoàng C trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền 21.350.000 đồng.

[3] Xét về lãi suất: tại phiên tòa phía nguyên đơn đã rút lại yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng C phải chịu là 1.067.500 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 342; 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi với số tiền là 30.218.505 đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng C trả số tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Hoàng C trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền là 21.350.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị Đ thì hàng tháng ông Nguyễn Hoàng C còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

3/ Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng C chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.067.500 đồng.

Bà Phạm Thị Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.289.000 đồng theo biên lai thu số 0002639 ngày 22/06/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương

